

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền
sử dụng đất các thửa đất tại xã Pong Drang, huyện Krông Búk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh về ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh sửa đổi bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 408/TTr-STC ngày 19/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại LK03 và LK05, xã Pong Drang, huyện Krông Búk (*chi tiết như Phụ lục kèm theo*).

Giá khởi điểm trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật. Khi giá đất trên thị trường trong điều kiện bình thường tăng, giảm trên 20%, UBND huyện Krông Búk lập lại phương án gửi cơ quan có chức năng xác định giá khởi điểm xem xét, đề xuất UBND tỉnh quyết định.

UBND huyện Krông Búk có trách nhiệm báo cáo kết quả đấu giá quyền sử dụng đất nêu trên gửi về Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

Điều 2. Giao UBND huyện Krông Búk lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại LK03 và LK05 xã Pong Drang, huyện Krông Búk nêu trên theo đúng quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Krông Búk; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận/

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TVT 20 b).



CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

PHỤ LỤC:

**GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỂ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC THỬA ĐẤT LK.03 VÀ LK.05
XÃ PONG DRANG, HUYỆN KRÔNG BÚK**

(Kèm theo Quyết định số **3187** /QĐ-UBND ngày **23** /11/2018 của UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu thửa đất	Diện tích (m ²)	Hệ số góc	Giá đất theo QĐ số 43/2014/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)	Giá đất ở (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/thửa)
I	Khu LK.03						7.908.000.000
1	LK.03-01	215,60	1,20	320.000	6,25	2.000.000	517.000.000
2	LK.03-02	166,80	1,00	320.000	6,25	2.000.000	334.000.000
3	LK.03-03	158,90	1,00	320.000	6,25	2.000.000	318.000.000
4	LK.03-04	153,80	1,00	320.000	6,25	2.000.000	308.000.000
5	LK.03-05	151,40	1,00	320.000	6,25	2.000.000	303.000.000
6	LK.03-06	151,40	1,00	320.000	6,25	2.000.000	303.000.000
7	LK.03-07	152,20	1,00	320.000	6,25	2.000.000	304.000.000
8	LK.03-08	199,40	1,15	320.000	6,25	2.000.000	459.000.000
9	LK.03-09	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
10	LK.03-10	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
11	LK.03-11	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
12	LK.03-12	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
13	LK.03-13	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
14	LK.03-14	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
15	LK.03-15	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
16	LK.03-16	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
17	LK.03-17	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
18	LK.03-18	195,50	1,10	270.000	5,56	1.500.000	323.000.000
19	LK.03-19	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
20	LK.03-20	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
21	LK.03-21	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
22	LK.03-22	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
23	LK.03-23	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
24	LK.03-24	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
25	LK.03-25	254,60	1,15	180.000	5,56	1.000.000	293.000.000
26	LK.03-26	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
27	LK.03-27	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
28	LK.03-28	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
29	LK.03-29	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
30	LK.03-30	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
31	LK.03-31	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
32	LK.03-32	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000

33	LK.03-33	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
34	LK.03-34	156,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	156.000.000
II	Khu LK.05						6.707.000.000
1	LK.05-01	195,50	1,10	270.000	5,56	1.500.000	323.000.000
2	LK.05-02	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
3	LK.05-03	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
4	LK.05-04	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
5	LK.05-05	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
6	LK.05-06	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
7	LK.05-07	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
8	LK.05-08	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
9	LK.05-09	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
10	LK.05-10	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
11	LK.05-11	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
12	LK.05-12	156,00	1,00	270.000	5,56	1.500.000	234.000.000
13	LK.05-13	238,10	1,15	320.000	6,25	2.000.000	548.000.000
14	LK.05-14	197,00	1,00	320.000	1,56	500.000	99.000.000
15	LK.05-15	155,90	1,00	320.000	6,25	2.000.000	312.000.000
16	LK.05-16	153,40	1,00	320.000	6,25	2.000.000	307.000.000
17	LK.05-17	150,90	1,00	320.000	6,25	2.000.000	302.000.000
18	LK.05-18	148,40	1,00	320.000	6,25	2.000.000	297.000.000
19	LK.05-19	200,30	1,20	320.000	6,25	2.000.000	481.000.000
20	LK.05-20	160,50	1,00	180.000	5,56	1.000.000	161.000.000
21	LK.05-21	174,50	1,00	180.000	5,56	1.000.000	175.000.000
22	LK.05-22	169,40	1,00	180.000	5,56	1.000.000	169.000.000
23	LK.05-23	155,30	1,00	180.000	5,56	1.000.000	155.000.000
24	LK.05-24	140,90	1,00	180.000	5,56	1.000.000	141.000.000
25	LK.05-25	138,40	1,15	180.000	5,56	1.000.000	159.000.000
26	LK.05-26	168,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	168.000.000
27	LK.05-27	168,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	168.000.000
28	LK.05-28	168,00	1,00	180.000	5,56	1.000.000	168.000.000
Tổng cộng							14.615.000.000